

Số: 142/2025/QĐST-HNGĐ Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 91/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 24/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2025 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, giữa các đương sự sau:

- Người yêu cầu: Bà Trần Ngọc Thảo N, sinh ngày 15/01/1987. Căn cước công dân số 068187004120 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 21/01/2023. Nơi tạm trú: BPB-07.12 Khu nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ B, A Hồ N, phường T (tên cũ: Phường B, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người yêu cầu: Ông Trần Nguyên H, sinh ngày 17/8/1987. Căn cước công dân số 079081000346 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/8/2022. Nơi tạm trú: BPB-07.12 Khu nhà ở cao tầng kết hợp thương mại dịch vụ B, A Hồ N, phường T (tên cũ: Phường B, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2014, quyển số 01/2013-2014 ngày 06 tháng 01 năm 2014 do Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp thì bà Trần Ngọc Thảo N và ông Trần Nguyên H là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Ngọc Thảo N và ông Trần Nguyên H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà N và ông H có 02 con chung Trần Nguyên Anh T, sinh ngày 25/01/2015 và Trần Nguyên Cát T1, sinh ngày 05/3/2018. Ly hôn, hai

bên thỏa thuận giao bà N trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, ông H không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

[3] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình: Lệ phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Trần Ngọc Thảo N và ông Trần Nguyên H phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Ngọc Thảo N và ông Trần Nguyên H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Ngọc Thảo N và ông Trần Nguyên H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà N và ông H thỏa thuận giao bà N trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Trần Nguyên Anh T, sinh ngày 25/01/2015 và Trần Nguyên Cát T1, sinh ngày 05/3/2018. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông H do bà N không có yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà N và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà N và ông H khai không có.

- Về lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình: Bà Trần Ngọc Thảo N và ông Trần Nguyên H phải chịu lệ phí là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được tính vào tạm ứng lệ phí do bà Trần Ngọc Thảo N và ông Trần Nguyên H đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số 0001457 ngày 02/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Đường sự;
 - VKSND KV4.TP.HCM;
 - Phòng THADS KV4.TP.HCM;
 - UBND xã Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng
- (Ghi vào sổ hộ tịch đối với Giấy CNKH số 01/2014, quyển số 01/2013-2014 ngày 06/01/2014);
- Lưu: VP, HS.

THẨM PHÁN

Bùi Thụy Hồng Châu